

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/KDTM-PT

Ngày 11/12/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà
Văn Thị Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLPT-KDTM ngày 09 tháng
10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2025/KDTM-ST ngày 19
tháng 6 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là
Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2025/QĐ-PT ngày
14 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB Bank);

Địa chỉ trụ sở: Số 18, đường L, phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội (nay
là số 18, đường, phường Y, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chủ tịch Hội đồng quản
trị;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH Quản lý nợ và
Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ trụ sở: 175 G, phường O, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân Đ - Chức vụ: Phó Phòng thu hồi nợ tổ tụng - MB AMC HCM.

Ủy quyền lại cho:

- Ông Trần Minh P - Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng (có mặt)
- Ông Trần Duy A - Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Sa R - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Lầu 5, số 538 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Lầu 5, số 538 C, Phường N, Thành phố Hồ Chí Minh .

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Địa chỉ trụ sở: Số 64, ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là số 64, ấp R, xã L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 17/23 đường Tam Bình, tổ 48, Khu phố 7, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 17/23 đường Tam Bình, tổ 48, Khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 4, đường T, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 4, đường T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần Minh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB Bank) trình bày như sau:*

Ngày 27/9/2023, Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH V đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số: 162986.23.160.16993306.TD cùng các khế ước nhận nợ, có nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng (HMTD): 7.000.000.000đồng (bảy tỷ đồng)

Ngày 28/9/2023 Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty TNHH V 02 đợt tổng cộng số tiền 5.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, san lấp cát và vận chuyển bằng xà lan của khách hàng.

Số tiền cho vay: chi tiết từng lần giải ngân và nhận nợ;

Thời hạn cho vay trong thời hạn duy trì HMTD: 06 tháng, chi tiết thời hạn cho vay theo từng lần giải ngân và nhận nợ.

Lãi suất vay: theo quy định tại Hợp đồng và/hoặc từng lần giải ngân và nhận nợ;

Lãi suất quá hạn: Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Tiền lãi chậm trả: Trường hợp khách hàng chậm trả lãi, khách hàng phải thanh toán tiền lãi bằng 10%/năm tính trên số nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đề bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH V, bên thế chấp và Ngân hàng đã ký các Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 33430.22.160.20647153.BĐ ngày 14/07/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12442.22.160.16993306.BĐ ngày 16/03/2022, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12442.22.160.16993306.BĐ.PL01 ngày 14/07/2022. Các Hợp đồng thế chấp nêu trên được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên, tỉnh Long An và đăng ký thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật gồm:

Tài sản bảo đảm số 1: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.007 m² thuộc thửa đất số 4488, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 998981, số vào sổ cấp GCN: CH03011 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 28/07/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 13/12/2021;

Tài sản bảo đảm số 2: Quyền sử dụng đất có diện tích 4.567 m² thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 998995, số vào sổ cấp GCN 03001 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/07/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 24/12/2021;

Tài sản bảo đảm số 3: Quyền sử dụng đất có diện tích 2.311 m² thuộc thửa đất số 365, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS341981, số vào sổ cấp GCN: CS04800 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/06/2019, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 05/01/2021;

Tài sản bảo đảm số 4: Quyền sử dụng đất có diện tích 4.743 m² thuộc thửa đất số 466, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859215, số vào sổ cấp GCN: CS06255 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 5: Quyền sử dụng đất 1.318 m² thuộc thửa đất số 465, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 692582, số vào sổ cấp GCN: CS04577 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh

Long An cấp ngày 03/01/2019, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 05/01/2022;

Tài sản bảo đảm số 6: Quyền sử dụng đất có diện tích 4.761 m² thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859213, số vào sổ cấp GCN: CS06251 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 7: Quyền sử dụng đất có diện tích 523 m² thuộc thửa đất số 467, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859216, số vào sổ cấp GCN: CS06252 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 8: Quyền sử dụng đất có diện tích 796 m², thuộc thửa đất số 468, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859217, số vào sổ cấp GCN: CS06253 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 9: Quyền sử dụng đất có diện tích 424 m² thuộc thửa đất số 469, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859218, số vào sổ cấp GCN: CS06259 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 10: Quyền sử dụng đất có diện tích 801 m² thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859220, số vào sổ cấp GCN: CS06256 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 11: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.002 m² thuộc thửa đất số 4487, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 998950, số vào sổ cấp GCN: CH02999 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 28/07/2015, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 12: Quyền sử dụng đất có diện tích 3.754 m² thuộc thửa đất số 632, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 692583, số vào sổ cấp GCN: CS04578 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 03/01/2019, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 05/01/2022;

Tài sản bảo đảm số 13: Quyền sử dụng đất có diện tích 878 m² thuộc thửa đất số 470, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 859219, số vào sổ cấp GCN: CS06258 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/12/2021, cấp cho ông Lê Văn L;

Tài sản bảo đảm số 14: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.009 m² thuộc thửa đất số 4486, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 998980, số vào sổ cấp GCN: CH02996 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 28/07/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 15/03/2022;

Tài sản bảo đảm số 15: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.006 m² thuộc thửa đất số 4489, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 998949, số vào sổ cấp GCN: CH03000 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 28/07/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 16/02/2022;

Tài sản bảo đảm số 16: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.016 m² thuộc thửa đất số 4485, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 998978, số vào sổ cấp GCN: CH02998 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 28/07/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sử dụng chuyển nhượng cho ông Lê Văn L ngày 15/03/2022;

Tài sản bảo đảm số 17: Quyền sử dụng đất có diện tích 450 m² thuộc thửa đất số 4168, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản và tài sản khác gắn liền với đất gắn liền với đất số DE 809999, số vào sổ cấp GCN: CS06530 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 08/06/2022' cấp cho ông Lê Văn L.

Công ty TNHH V không trả nợ gốc, riêng nợ lãi trả đến 04/3/2024 thì ngưng đến nay. Kể từ thời điểm Bên vay không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu Công ty TNHH V phải trả nợ nhưng bên vay thường xuyên trì hoãn, kéo dài thời gian trả nợ. Đến nay, bên vay vẫn không thu xếp tài chính để trả nợ, không chủ động làm việc với Ngân hàng để xử lý khoản nợ. Như vậy, bên vay đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với MB theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH V phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là: 5.899.611.666 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*). Bao gồm: Nợ gốc là: 5.600.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 299.611.666 đồng (*Dư nợ tạm tính đến ngày 13/08/2024*). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty TNHH V tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số: 162986.23.160.16993306.TD

ngày 27/09/2023 và các Văn bản nhận nợ đính kèm Hợp đồng này kể từ ngày 14/08/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH V không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH V tại Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Công ty TNHH V vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Q.

Sau đó, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH V phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là: 6.538.051.099đồng (Bằng chữ: sáu tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, không trăm năm mươi một nghìn, không trăm chín mươi chín đồng). Bao gồm: Nợ gốc là: 5.600.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 938.051.099đồng (Dự nợ tạm tính đến ngày 19/6/2025). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty TNHH V tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số: 162986.23.160.16993306.TD ngày 27/09/2023 và các Văn bản nhận nợ đính kèm Hợp đồng này kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Ngân hàng xin rút lại yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với các thửa đất nêu trên theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 33430.22.160.20647153.BĐ ngày 14/07/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12442.22.160.16993306.BĐ ngày 16/03/2022, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12442.22.160.16993306.BĐ.PL01 ngày 14/07/2022 khi nào có yêu cầu Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q về hợp đồng tín dụng đã ký kết, số tiền Công ty đã vay, số tiền lãi đã trả và thế chấp các tài sản.

Công ty trách nhiệm hữu hạn V đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là: 6.538.051.099đồng. Bao gồm: Nợ gốc là: 5.600.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 938.051.099đồng (Dự nợ tạm tính đến ngày 19/6/2025). Công ty TNHH V đồng ý tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số: 162986.23.160.16993306.TD ngày

27/09/2023 và các Văn bản nhận nợ đính kèm Hợp đồng này kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết xử lý tài sản thế chấp đối với các thửa đất nêu trên theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 33430.22.160.20647153.BĐ ngày 14/07/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12442.22.160.16993306.BĐ ngày 16/03/2022, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12442.22.160.16993306.BĐ.PL01 ngày 14/07/2022 vì khi Công ty vay đã thế chấp các tài sản nêu trên để đảm bảo khoản vay nên đề nghị xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản án số 05/2025/KDTM-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh) đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty TNHH V.

[1.1] Buộc Công ty TNHH V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là: 6.538.051.099đồng (Bằng chữ: sáu tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, không trăm năm mươi một nghìn, không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 5.600.000.000đồng, nợ lãi quá hạn là: 938.051.099đồng.

[1.2] Kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

[2] Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Q.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với yêu cầu đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2025 Công ty TNHH V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do không dựa theo hợp đồng thế chấp tài sản để xử lý tài sản khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là không đúng theo

quy định của pháp luật. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Công ty TNHH V trình bày: Công ty TNHH V có vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc là 5.600.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn, đồng thời có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Q tổng cộng 17 tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên. Bản án sơ thẩm không xử lý tài sản thế chấp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH V, là vi phạm quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q trình bày: Ngân hàng TMCP Q không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V, bởi vì quyền rút 01 phần yêu cầu khởi kiện là quyền của Ngân hàng được pháp luật quy định, ngân hàng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty TNHH V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH V được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V thấy rằng:

Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số: 162986.23.160.16993306.TD cùng các khế ước nhận nợ ngày 27/9/2023 giữa Ngân hàng TMCP Q với Công ty TNHH V cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân số vốn 5.600.000.000 đồng cho Công ty TNHH V. Trong quá trình vay vốn, Công ty TNHH V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện. Hiện tại, Công ty TNHH V còn nợ TMCP Q tổng số tiền

tạm tính đến ngày 19/6/2025 là: 6.538.051.099đồng, bao gồm: nợ gốc là: 5.600.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn là: 938.051.099đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Công ty TNHH V trả toàn bộ số tiền vốn và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm không tuyên xử lý hợp đồng thế chấp thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2024 Ngân hàng có yêu cầu trường hợp bị đơn Công ty TNHH V không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tại đơn đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện đề ngày 11/3/2025 của Ngân hàng và tại biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2025 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đã rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy, việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó cấp sơ thẩm đã tiến hành đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V.

Án phí KDTM phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V.

- Giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh).

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty TNHH V.

1.1. Buộc Công ty TNHH V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là: 6.538.051.099đồng (Bằng chữ: sáu tỷ,

năm trăm ba mươi tám triệu, không trăm năm mươi một nghìn, không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 5.600.000.000đồng, nợ lãi quá hạn là: 938.051.099đồng.

1.2. Kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

2. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Q.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với yêu cầu đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ chịu 114.538.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là 56.950.000 đồng theo biên lai thu số 0012717 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH V phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH V - đại diện Lê Văn L đã nộp theo biên lai thu số: 0000215 ngày 9/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ghi nhận Công ty TNHH V đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 6 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Hằng

